

Số: 06/2021/QĐDS-ST

Ngày: 15-06-2021

V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu,
quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản
chung để thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi – Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”, theo Quyết định mở phiên họp số: 150/2021/QĐMPH-VDS ngày 06 tháng 5 năm 2021.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phan Thị Th, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 25, ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu là Luật sư Lương Tường Huy – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV An Gia thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn C, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 20, ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Phan Thị Trúc T1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Hiệp Thuận, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Hoài Th1, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Hoài Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Trần Thị Loan (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Người yêu cầu bà Phan Thị Th trình bày: Nguyên trước đây bà Phan Thị T, sinh năm 1958, cư trú tại ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang, có vay của bà số tiền 23.000.000 đồng và để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ nên bà T đã thế chấp cho bà diện tích đất thổ cư 65,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03176 ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T.

Bà T chết ngày 27/10/2017 thì bà khởi kiện con bà T là Phan Văn C, ông C đã đồng ý trả số tiền 23.000.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 201/2018/QĐST-DS ngày 12/10/2018. Theo nội dung quyết định thì ông C còn nợ bà Th số tiền 23.000.000 đồng, thời gian và phương thức trả nợ sẽ thương lượng tại cơ quan thi hành án dân sự huyện C.

Tuy nhiên đến khi thi hành án thì ông C không trả tiền theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án nhân dân huyện C, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xác minh ông C không có tài sản riêng nên không đủ điều kiện để thi hành án.

Nay bà Phan Thị Th yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Phan Văn C trong khối di sản do bà Phan Thị T chết để lại. Và phân chia di sản này để thi hành án cho bà, tài sản yêu cầu xác định phân chia là một căn nhà gắn liền diện tích đất thổ cư 65,2m², tọa lạc tại ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03176 ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Phan Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn C, Phan Thị Trúc T1, Nguyễn Hoài Th1, Nguyễn Hoài Đ, Trần Thị Loan vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên họp, bà Phan Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Phan Văn C trong khối di sản do bà Phan Thị T chết để lại. Và phân chia di sản này để thi hành án cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết việc dân sự.

Về nội dung việc dân sự:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 201/2018/QĐ-DS ngày 12/10/2018 thì ông C phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền 23.000.000

đồng, Chi cục Thi hành án xác minh ông C không có tài sản để thi hành án. Căn cứ Thông báo của Chi cục Thi hành án huyện C, cung cấp thông tin của đương sự thì bà Phan Thị T có 5 người con gồm: Phan Văn C, Phan Thị Trúc T1, Nguyễn Hoài Th1, Nguyễn Hoài Đ, Trần Thị Loan, ông C là một trong những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của bà Phan Thị T, bà T chết để lại di sản thừa kế là một căn nhà gắn liền diện tích đất $65,2m^2$. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng khoản 1 Điều 74 của Luật thi hành án dân sự chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Th về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của ông Phan Văn C trong khối di sản do bà Phan Thị T chết để lại. Và phân chia di sản này để thi hành án cho bà Th. Quá trình giải quyết vụ việc Tòa án có tiến hành định giá tài sản, di sản thừa kế có giá trị là giá đất $2.200.000 \text{ đồng} \times 65,2m^2 = 143.440.000 \text{ đồng}$; giá trị nhà $199.690.762 \text{ đồng}$; tổng cộng nhà và đất là $343.130.762 \text{ đồng}$. Ông C được hưởng $1/5$ của giá trị nhà và đất là $343.130.762 \text{ đồng} : 5 = 68.626.152 \text{ đồng}$.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Th yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Th phân chia di sản của bà T, xác định phần hưởng di sản thừa kế của ông C đối với khối di sản thừa kế của bà T để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phan Thị Th yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối với người có nghĩa vụ thi hành án là ông Phan Văn C. Ông C có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang, và bất động sản yêu cầu phân chia cũng trên địa bàn huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Bà Th có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nên xác định tư cách là người yêu cầu giải quyết việc dân sự theo khoản 5 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C, bà T1, ông Th1, ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến di sản thừa kế của bà Phan Thị T bị yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định các đương sự này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 6 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ việc có thông tin bà Trần Thị Loan cũng là con của bà Phan Thị T nên Tòa án đưa bà Trần Thị Loan vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự: Ông C, bà T1, ông Th1, ông Đ, bà Loan là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án mở phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng này là phù hợp quy định.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Theo Quyết định Thi hành án số 111/QĐ-CCTHADS ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang thi hành Quyết định số 201/2018/QĐST-DS ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang thì người phải thi hành án là ông Phan Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền là 23.000.000 đồng. Đến giai đoạn thi hành án ông C không trả tiền cho bà Th, khi bà Th yêu cầu Chi cục Thi hành án huyện C thi hành án đối với ông C thì Chi cục Thi hành án xác minh điều kiện thi hành án của ông C, Chi cục thi hành án dân sự huyện C ghi nhận ông C không có tài sản để thi hành án.

Tuy ông C không có tài sản riêng nhưng ông C là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị T, bà T chết để lại di sản là một căn nhà gắn liền diện tích đất thổ cư 65,2m², tọa lạc tại ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03176 ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Phan Thị T.

Quá trình thi hành án Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ban hành Thông báo số: 28/TB-CCTHADS ngày 14/11/2019 cho người được thi hành án bà Phan Thị Th, người phải thi hành án Phan Văn C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến di sản thừa kế của bà Phan Thị T có quyền thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Phan Thị T, khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với di sản thừa kế: Quyền sử dụng đất có diện tích 65,2m², loại đất ở nông thôn, thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03176 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/12/2012 do bà Phan Thị T đứng tên. Tài sản gắn liền trên đất: một căn nhà có diện tích ngang khoảng 4m, dài khoảng 12m, kết cấu móng, khung cột BTCT, vách tường, mái tole, nền lát gạch Ceramic (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở).

Đã hết thời hạn theo thông báo, nhưng ông C và những người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu chung đối với di sản của bà Phan Thị T không thực hiện theo Thông báo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình người được thi hành án là bà Phan Thị Th đã yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng, quyền sở hữu của người phải thi hành án là ông Phan Văn C trong khối tài sản chung để bảo đảm thi hành án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, nên Tòa án xem xét giải quyết.

Xác định hàng thừa kế của bà Phan Thị T: Theo Thông báo số: 28/TB-CCTHADS ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện C thì bà Phan Thị T có 05 người con và không còn cha mẹ. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015, Tòa án xác định ông C, bà T1, ông Th1, ông Đ, bà Loan là thuộc

hàng thừa kế thứ nhất của bà T. Vậy di sản thừa kế của bà T sẽ được chia thành 05 kỷ phần bằng nhau theo khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015.

Xác định di sản thừa kế: Theo Thông báo số: 28/TB-CCTHADS ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện C thì đến thời điểm giải quyết vụ việc bà T chết để lại di sản là quyền sử dụng đất có diện tích 65,2m², loại đất ở nông thôn, thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH03176 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/12/2012 do bà Phan Thị T đứng tên. Tài sản gắn liền trên đất: 01 căn nhà có diện tích ngang khoảng 4m, dài khoảng 12m, kết cấu móng, khung cột BTCT, vách tường, mái tole, nền lót gạch Ceramic (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở).

Do bà Phan Thị T chết không để lại di chúc thuộc điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015 là trường hợp thừa kế theo pháp luật. Căn cứ theo quy định pháp luật về việc thừa kế theo pháp luật thì ông C được hưởng 1/5 (một phần năm) trong khối di sản thừa kế của bà Phan Thị T để lại. Như vậy việc bà Th yêu cầu Tòa án xác định phần hưởng thừa kế của ông C là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ cơ sở nhận định nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Th về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối với ông Phan Văn C. Ông C bằng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 65,2m², loại đất ở nông thôn, thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH03176 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/12/2012 do bà Phan Thị T đứng tên. Và ông C có 1/5 giá trị một căn nhà có diện tích ngang khoảng 4m, dài khoảng 12m, kết cấu móng, khung cột BTCT, vách tường, mái tole, nền lót gạch Ceramic (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở).

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là bà Th tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc là 600.000 đồng, chi phí định giá là 900.000 đồng, chi phí nhận bản vẽ đo đạc hiện trạng là 717.200 đồng. Tổng cộng là 2.217.200 đồng. Bà Th đã nộp đủ.

Về lệ phí yêu cầu việc dân sự: Bà Phan Thị Th phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 369, Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 207, 208, 216, 217, 218, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Th về xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối với ông Phan Văn C theo Quyết định số 201/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Cụ thể:

- Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án đối với ông Phan Văn C là ông Phan Văn C có 1/5 (một phần năm) giá trị tài sản là quyền sử dụng đất với diện tích 65,2m², loại đất ở nông thôn, thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH03176 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/12/2012 do bà Phan Thị T đứng tên (theo bản vẽ đo đạc hiện trạng khu đất ngày 03/3/2021, có bản vẽ kèm theo).

- Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án đối với ông Phan Văn C là ông Phan Văn C có 1/5 (một phần năm) giá trị tài sản là một căn nhà gắn liền diện tích đất nêu trên có kết cấu: ngang khoảng 4m, dài khoảng 12m, kết cấu móng, khung cột BTCT, vách tường, mái tole, nền lót gạch Ceramic (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở).

2. Chi phí tố tụng: Bà Phan Thị Th phải chịu chi phí tố tụng là 2.217.200 đồng, bà Th đã nộp đủ.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Phan Thị Th phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006275 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã BL;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Th1 Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Th1 Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi